

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày 24 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương.

Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sảo, ông Trần Khắc Viện, bà Dương Thị Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân T, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1978 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức L (đã chết) và bà Vũ Thị T3, sinh năm 1950; có vợ Nguyễn Thị C và 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (*có mặt tại phiên tòa*).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Thắng – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*).

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*);

- *Người làm chứng:*

1. Bà Vũ Thị T3, sinh năm 1950;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Trần Văn N, sinh năm 2000;

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Phạm Văn T4, sinh năm 1990; *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

4. Anh Phạm Văn T5, sinh năm 1991;

Đều trú tại: Thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(*có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân T, cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và chị Nguyễn Thị Bích T1 là hai anh em ruột. Sau khi ông Nguyễn Đức L (cha đẻ của T và chị T1) chết, chị T1 cùng hai con về làm nhà và sống cùng với bà Vũ Thị T3 (mẹ đẻ T và chị T1), tại thôn Đ trên đất của bà T3, còn T cùng vợ con ở ngôi nhà đối diện nhà chị T1. Ngày 08/4/2019 bà T3 họp gia đình và lập Giấy tặng cho đất với nội dung cho T và chị T1 mỗi người một nửa đất bà T3 đang sử dụng gồm đất ở, đất ruộng, đồi cây và đất màu (chưa làm thủ tục sang tên). Sau đó T xây nhà trên mảnh đất bà T3 cho, cách nhà chị T1 một ô đất trống, nhưng T cho rằng toàn bộ mảnh đất bà T3 đang sinh sống và cho chị T1 (cả ô đất trống) đã được ông Nguyễn Đức L cho T khi ông L còn sống, do đó giữa T và chị T1 thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau về chuyện tranh chấp đất đai.

Ngày 06/02/2020 chị T1 thuê Phạm Văn T4, Phạm Văn T5, trú tại thôn G, xã P và Trần Văn N, trú tại thôn P, xã P, huyện S đến khoan giếng nước trên mảnh đất trống giữa nhà T và nhà chị T1 để lấy nước phục vụ sinh hoạt cho gia đình, chị T1 bảo nhóm thợ phá bức tường ngoài cổng để có chỗ lắp máy khoan. Khoảng 19 giờ cùng ngày nhóm thợ khoan giếng về, T đi sang nhà nói với chị T1 là không cho khoan giếng ở khu đất đang tranh chấp, sau đó T và chị T1 cãi nhau và xảy ra xô xát, T dùng tay tát chị T1 (không gây thương tích), còn chị T1 dùng tay cào vào mặt T làm xước da, sau đó được mọi người can ngăn, T đi về nhà.

Khoảng 16 giờ, ngày 07/02/2020 T thấy nhóm thợ đang lắp đặt máy khoan để khoan giếng, bức xúc vì cho rằng T1 khoan giếng trên mảnh đất tranh chấp. T đi xuống bếp lấy 01 con dao, loại dao mũi nhọn chuôi bằng gỗ có chiều dài 34cm cả chuôi, chiều dài lưỡi dao 23cm, bản rộng nhất của lưỡi 6,5cm. T cầm dao bằng tay

phải, khoanh hai tay giấu dao trước ngực đi sang nhà chị T1, lúc này chị T1 cùng bà T3 đang đứng ở hiên nhà xem nhóm thợ đang khoan giếng. Thấy T sang, chị T1 đi xuống bếp, T đi theo chị T1, vừa đi vừa nói “*Hôm nay mày thích chửi nhau nữa không*”, chị T1 nói “*Anh đi về đi, em mệt, không cãi nhau với anh nữa đâu*”, rồi chị T1 tiếp tục đi vào bếp, T đi theo sau nói “*Mày thích chửi nhau, đánh nhau không*”, chị T1 bảo T đi về, rồi cúi khom người xuống lấy dép để đi ra vườn, T đứng sau lưng chị T1, cầm dao bằng tay phải vung lên đâm mạnh 01 nhát theo hướng từ trên xuống dưới trúng vào lưng trái chị T1 làm chị T1 ngã xuống nền bếp, chị T1 kêu “*Mẹ ơi cứu con*”, bà T3 chạy vào bếp thấy T đang đi từ bếp lên, còn chị T1 bị thương ngồi dưới nền nhà, máu chảy nhiều nên bà T3 hô hoán gọi mọi người đến giúp, anh Phạm Văn T5 (thợ khoan giếng) chạy vào thấy chị T1 bị thương, dao vẫn cắm ở lưng nên cùng mọi người khiêng chị T1 ra xe ô tô và đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ, đến ngày 18/02/2020 chị T1 ra viện.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 58/2020/TgT ngày 11/3/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tuyên Quang kết luận đối với thương tích của Nguyễn Thị Bích T1: Vùng lưng bên trái cách cột sống 08 cm, tương ứng vị trí của khoang liên sườn 9-10 có sẹo kích thước 05x0,3cm, sẹo màu hồng, mềm, phẳng, bờ gọn, hướng từ trên xuống dưới; Đường nách giữa vị trí khoang liên sườn 9-10 bên trái có sẹo 03x0,2 cm (*sẹo dẫn lưu màng phổi*); Đường trắng giữa trên rốn có sẹo thẳng kích thước 13x0,2cm (*sẹo phẫu thuật*); vùng hố chậu trái có sẹo đường kính 01 cm (*sẹo dẫn lưu ổ bụng*). Chụp C.T scanner lồng ngực thấy hình ảnh tổn thương dạng đông đặc nhu mô thùy dưới phổi trái; dịch khoang màng phổi trái; gãy cung sau xương sườn số 9, số 10 bên trái.

Kết luận:

- Gãy cung sau xương sườn số 9, số 10 bên trái: 04%;
- Tổn thương màng phổi trái: 03%;
- Tổn thương nhu mô phổi trái đã phẫu thuật: 10%;
- Tổn thương cơ hoành đã phẫu thuật kết quả tốt: 21%;
- Sẹo vùng lưng trái: 02%;
- Sẹo đường nách giữa bên trái: 01%;
- Sẹo đường trắng giữa trên rốn: 03%;
- Sẹo hố chậu trái: 01%;

Tỷ lệ thương tật do thương tích gây nên hiện tại là 38% (*Ba mươi tám phần trăm*). Cơ chế gây thương tích do vật sắc tác động trực tiếp gây nên.

Bản Cáo trạng số 29/CT-VKS-P2 ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với quá trình điều tra và bản cáo trạng đã truy tố.

Bị hại chị Nguyễn Thị Bích T1 có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị về trách nhiệm bồi thường dân sự trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Xuân T đã tự nguyện bồi thường và chi trả tiền điều trị cho bị hại số tiền 35.967.000đ, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị C trình bày chị là vợ của bị cáo đã cùng bị cáo bồi thường cho bị hại chị T1 số tiền 35.000.000đ, đây là tiền chung của vợ chồng chị không có ý kiến gì.

Phản tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/6/2020.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Xuân T đã tự nguyện bồi thường và chi trả tiền điều trị cho bị hại chị Nguyễn Thị Bích T1 số tiền 35.000.000đ, bị hại chị T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng gồm:

- 01 dao mũi nhọn, có chiều dài 34cm, loại dao một lưỡi sắc, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bản dao rộng nhất 6,5 cm, chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn, đã qua sử dụng, có vết hoen gỉ.

- 01 áo dài tay, loại có len, màu đỏ - trắng đã qua sử dụng, đã bị rách, trên áo có bám dính nhiều chất màu nâu đỏ.

- 01 áo lót nữ màu đen, có dây đeo, trên áo có ghi dòng chữ “SIZE 36”, đã qua sử dụng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Trợ giúp viên Nguyễn Văn Thăng trình bày luận cứ: Nhất trí tội danh, điều luật và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đã trình bày, do bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp dưới khung hình phạt để bị cáo sớm được trở về cùng gia đình và xã hội.

Bị cáo nhất trí với luận cứ bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung thêm ý kiến và không có ý kiến tranh luận với trình bày luận tội của kiểm sát viên.

Kết thúc phản tranh luận, bị cáo Nguyễn Xuân T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn, hối cải về

hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để có điều kiện trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân T tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện T, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 07/02/2020 tại khu vực bếp gia đình chị Nguyễn Thị Bích T1 thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Xuân T, cư trú tại thôn Đ, xã Đ (anh trai chị T1) do mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất đai của bố mẹ để lại, T đã có hành vi cầm 01 con dao nhọn chuôi gỗ có chiều dài 34cm, phần lưỡi dao dài 23cm, bản rộng nhất của lưỡi 6,5cm, sang nhà chị T1. Khi thấy chị T1 đang cúi khom người xuống, T dùng dao đâm mạnh theo hướng từ trên xuống dưới trúng vào lưng trái chị T1 gây thương tích, hậu quả chị T1 tổn hại 38% (*Ba mươi tám phần trăm*) sức khỏe.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Xuân T là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã có hành vi dùng dao nhọn là hung khí nguy hiểm đâm vào lưng nhằm tước đoạt tính mạng của chị Nguyễn Thị Bích T1, hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực, nhận thức được hành vi của mình, nhưng do coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác. Bị cáo phạm tội do lỗi cố ý, có tính chất côn đồ, hậu quả chị T1 không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử đủ căn cứ quy kết bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội Giết người, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự, do vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện cùng gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố đẻ bị cáo được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng và có thời gian

tham gia quân đội thời kỳ kháng chiến chống Mỹ được hưởng chế độ Chi trả trợ cấp một lần người hoạt động kháng chiến; Hội đồng xét xử thấy bị hại có một phần lỗi, tại phiên tòa bị cáo khai do bị hại có những lời nói thô tục gây ức chế cho bị cáo dẫn đến bị cáo phạm tội và bị hại cũng xác định qua lời khai tại bút lục 192:...*về sự việc xảy ra Tôi nghĩ do anh T bức xúc vì Tôi và anh T cãi nhau hôm trước 6/2/2020 nên anh T cầm dao đâm Tôi...* đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo. Bị cáo phạm tội trong T hợp chưa đạt nên áp dụng Điều 15 và Điều 57 Bộ luật hình sự, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp cần xử bị cáo Nguyễn Xuân T mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về luận cứ bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý: Trên cơ sở nội dung tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định mức án cho phù hợp pháp luật.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Xuân T đã tự nguyện bồi thường và chi trả tiền điều trị cho chị Nguyễn Thị Bích T1hiệp số tiền 35.967.000đ, bị hại chị T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự các vật chứng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy như sau:

- 01 dao mũi nhọn, có chiều dài 34cm, loại dao một lưỡi sắc, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bản dao rộng nhất 6,5 cm, chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn, đã qua sử dụng, có vết hoen gỉ.

- 01 áo dài tay, loại có len, màu đỏ - trắng đã qua sử dụng, đã bị rách, trên áo có bám dính nhiều chất màu nâu đỏ.

- 01 áo lót nữ màu đen, có dây đeo, trên áo có ghi dòng chữ “SIZE 36”, đã qua sử dụng.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Giết người”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (23/6/2020).

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 dao mũi nhọn, có chiều dài 34cm, loại dao một lưỡi sắc, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bản dao rộng nhất 6,5 cm, chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn, đã qua sử dụng, có vết hoen gỉ.

- 01 áo dài tay, loại có len, màu đỏ - trắng đã qua sử dụng, đã bị rách, trên áo có bám dính nhiều chất màu nâu đỏ.

- 01 áo lót nữ màu đen, có dây đeo, trên áo có ghi dòng chữ “SIZE 36”, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 10/9/2020).

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần có liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2020). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

“T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại; NCQLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hương